

QUYẾT ĐỊNH

**Về phê duyệt Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn
dịch bệnh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh
giai đoạn 2021 - 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn;

Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 13 tháng 02 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình quốc gia khống chế và tiến tới loại trừ bệnh Đại, giai đoạn 2017 - 2021;

Căn cứ Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Dịch tả lợn Châu Phi giai đoạn 2020 - 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 172/SNN-CNTY ngày 26 tháng 01 năm 2020 về phê duyệt Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025 (Chương trình đính kèm).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với các Sở - ngành, Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Ủy ban nhân dân các quận, huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Y tế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND. TP;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: Các PVP;
- Phòng KT;
- Lưu: VT, (KT/Linh). 15



Võ Văn Hoan



CHƯƠNG TRÌNH

Giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1304/QĐ-UBND
ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố)*

I. SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

1. Sự cần thiết

- Tiếp tục phát huy những kết quả đạt được của Chương trình xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh giai đoạn 2016 - 2020, trong đó chủ động tầm soát, cảnh báo sớm nguy cơ phát sinh các bệnh truyền nhiễm, nhất là các bệnh từ động vật lây sang người; phát hiện và xử lý kịp thời các ổ dịch mới phát sinh, không để lây lan, gây thiệt hại kinh tế, ảnh hưởng sức khỏe cộng đồng; giảm thiểu chi phí chống dịch, góp phần ổn định và phát triển ngành chăn nuôi theo hướng sản xuất con giống chất lượng cao, an toàn dịch bệnh, cung cấp cho người chăn nuôi tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

- Một số bệnh truyền nhiễm như bệnh Lở mồm long móng, Dịch tả heo Châu Phi, bệnh heo Tai xanh, Lao và Sẩy thai truyền nhiễm, Cúm gia cầm, bệnh Đại,... gây thiệt hại lớn về kinh tế, có thể lây sang người và ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Nếu xảy ra dịch bệnh sẽ ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi của Thành phố, ảnh hưởng đến xuất khẩu và du lịch, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế,...

- Trong quá trình hội nhập quốc tế, một số bệnh mới phát sinh chưa xuất hiện tại Việt Nam nhưng có thể xâm nhập vào Việt Nam thông qua hoạt động du lịch, trao đổi, thương mại. Do đó, cần chủ động trong công tác giám sát và đề ra các biện pháp ngăn chặn, phòng ngừa, xử lý dịch bệnh kịp thời, không làm thiệt hại đến sản xuất, nhất là đàn giống chất lượng cao của Thành phố.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Thú y ngày 19 tháng 6 năm 2015;
- Luật Chăn nuôi ngày 19 tháng 11 năm 2018;
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;
- Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết Luật Chăn nuôi;
- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; Thông tư số 24/2019/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT;

- Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

- Quyết định số 17/QĐ-UBND ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc phê duyệt Chương trình khống chế và tiến tới loại trừ bệnh Đại trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 4087/QĐ-UBND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phê duyệt Kế hoạch phòng, chống bệnh cúm gia cầm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019 - 2025.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

- Cảnh báo sớm các nguy cơ lây lan dịch bệnh động vật trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh. Phát hiện sớm, xử lý kịp thời mầm bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, tránh lây lan, gây thiệt hại cho ngành chăn nuôi và bảo vệ sức khỏe cộng đồng.

- Duy trì và mở rộng các vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đối với một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm trên động vật, nhất là các bệnh truyền lây từ động vật sang người.

2. Mục tiêu cụ thể

- Trên 85% cơ sở chăn nuôi được giám sát và kiểm soát các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm như Lở mồm long móng, Dịch tả heo châu Phi, Cúm gia cầm, Đại, làm cơ sở xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên địa bàn Thành phố.

- Duy trì Thành phố Hồ Chí Minh là vùng an toàn đối với bệnh Lao và Sảy thai truyền nhiễm trên trâu, bò; vùng an toàn bệnh Đại trên chó, mèo; các cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh đã được Cục Thú y công nhận trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Phân đầu xây dựng vùng an toàn với một số dịch bệnh khác. Cụ thể:

+ Năm 2021, xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh được Cục Thú y công nhận là vùng an toàn đối với bệnh Cúm gia cầm, Niu-cát-xơn và 07 xã an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng (02 xã tại huyện Hóc Môn và 05 xã tại huyện Củ Chi).

+ Đến năm 2022, huyện Hóc Môn được Cục Thú y công nhận là vùng an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng và 10 xã an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng tại huyện Củ Chi.

+ Đến năm 2023, huyện Củ Chi được Cục Thú y công nhận là vùng an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng. Xây dựng tiêu chí đánh giá đối với an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn của Tổ chức Thú y Thế giới (OIE).

+ Đến năm 2025, Thành phố Hồ Chí Minh được Cục Thú y công nhận là vùng an toàn dịch bệnh đối với bệnh Lở mồm long móng và phần đầu 25% trại chăn nuôi quy mô lớn, có sản xuất giống được công nhận an toàn dịch theo tiêu chuẩn của Tổ chức Thú y Thế giới (OIE).

III. CÁC GIẢI PHÁP

1. Thông tin, tuyên truyền

- Tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, cá nhân liên quan về các chủ trương, chính sách, pháp luật liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y; quyền lợi và nghĩa vụ trong việc tham gia giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Nâng cao nhận thức của người dân, người chăn nuôi trong việc khai báo kiểm dịch đối với xuất bán, nhập đàn gia súc, gia cầm nuôi, nhất là việc nhập con giống phải có nguồn gốc, được tiêm phòng các bệnh truyền nhiễm; các biện pháp phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm động vật, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chăn nuôi an toàn sinh học và quy trình VietGAHP, vệ sinh môi trường.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cá nhân, tổ chức trong hoạt động kinh doanh, giết mổ động vật và sản phẩm động vật về các quy định kiểm dịch, kiểm soát giết mổ, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, để hạn chế việc xâm nhập, phát tán mầm bệnh từ bên ngoài vào Thành phố.

- Tập trung tuyên truyền cho hộ, cơ sở chăn nuôi sản xuất, kinh doanh giống vật nuôi về quản lý, sản xuất giống an toàn theo quy định của Luật Chăn nuôi, góp phần cung cấp con giống “sạch bệnh”.

- Thường xuyên cập nhật danh sách các cơ sở an toàn dịch bệnh được công bố công khai trên các trang điện tử của các cơ quan thú y (Cục Thú y, Chi cục Chăn nuôi và Thú y).

2. Quản lý tình hình chăn nuôi

- Cơ sở chăn nuôi có trách nhiệm thường xuyên theo dõi, giám sát đàn vật nuôi. Trong trường hợp phát hiện con vật nghi mắc bệnh, mắc bệnh truyền nhiễm, phải kịp thời cách ly và báo ngay cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan thú y nơi gần nhất.

- Kiểm tra, giám sát chặt chẽ tình hình chăn nuôi, các biện pháp phòng chống dịch bệnh tại hộ chăn nuôi, gắn với việc triển khai Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn liên quan. Chủ vật nuôi gia súc, gia cầm có trách nhiệm khai báo chăn nuôi với chính quyền địa phương theo quy định tại Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi, làm cơ sở cho việc quản lý chăn nuôi, xây dựng kế hoạch phòng, chống dịch bệnh; kế hoạch tổ chức tiêm phòng, giám sát dịch bệnh hàng năm.

- Xây dựng và nhân rộng các mô hình chăn nuôi an toàn sinh học; các vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. Vận động người chăn nuôi tham gia các Tổ hợp tác, Hợp tác xã chăn nuôi an toàn, từng bước truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Triển khai, thực hiện việc chăn nuôi theo hướng tập trung, phù hợp với mật độ chăn nuôi; đảm bảo các quy định về chăm sóc, nuôi dưỡng và điều kiện chăn nuôi chuồng trại theo Quy chuẩn Việt Nam QCVN 01 - 14 : 2010/BNNPTNT về điều kiện chăn nuôi gia cầm an toàn sinh học và QCVN 01 - 15 : 2010/BNNPTNT

về điều kiện chăn nuôi lợn an toàn sinh học; quy định về thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) đối với gia súc và gia cầm; Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về Đề án tái cơ cấu ngành chăn nuôi heo giai đoạn 2020 - 2025.

- Hướng dẫn người chăn nuôi thường xuyên thực hiện vệ sinh khử trùng, tiêu độc chuồng trại theo hướng dẫn tại Phụ lục số 08 của Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Xây dựng bản đồ số hóa quản lý tình hình chăn nuôi và dịch bệnh động vật. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong việc thống kê quản lý đàn gia súc, tình hình tiêm phòng, dịch tễ.

3. Tiêm phòng vắc-xin cho đàn gia súc, gia cầm và giám sát dịch bệnh

- Chủ động triển khai tiêm phòng vắc-xin đối với các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm bắt buộc cho đàn gia súc, gia cầm đại trà hai đợt trong năm theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Hạn chế không để xảy ra dịch bệnh trên địa bàn Thành phố. Thường xuyên rà soát và tiêm phòng bổ sung theo lứa tuổi đảm bảo đạt yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

- Chủ động giám sát, đánh giá hiệu quả sau mỗi đợt tiêm phòng vắc-xin trên đàn gia súc, gia cầm, nhằm phát hiện và chấn chỉnh kịp thời các hạn chế, sai sót trong công tác tiêm phòng (nếu có), trong đó tập trung:

- + Lấy mẫu giám sát một số bệnh truyền nhiễm như Cúm gia cầm (A/H5N1 và A/H5N6), Cúm heo, Dịch tả heo Châu Phi, Lở mồm long móng, ... tại cơ sở chăn nuôi, khu vui chơi giải trí và cơ sở giết mổ, đặc biệt là nguồn gia súc nhập từ các tỉnh có nguy cơ cao, góp phần kiểm soát dịch bệnh từ xa.

- + Lấy mẫu bệnh phẩm trong trường hợp có ca bệnh hoặc nghi ngờ bệnh để phát hiện vi-rút.

- + Chủ động giám sát phát hiện các chủng vi-rút gây bệnh đang lưu hành và bệnh mới nổi, để có biện pháp phòng, chống dịch bệnh hiệu quả và kịp thời.

- + Tổng số mẫu xét nghiệm bình quân hàng năm khoảng 19.138 mẫu. Trong đó, Cúm gia cầm 1.028 mẫu; Cúm heo 200 mẫu; Dịch tả heo cổ điển 1.760 mẫu; Dịch tả heo Châu Phi 930 mẫu; Tai xanh 810 mẫu; Dại 600 mẫu; Tụ huyết trùng 1.000 mẫu, Lở mồm long móng 6.015 mẫu; Lao 1.045 mẫu; Sảy thai truyền nhiễm 1.045 mẫu; Lepto 2.445 mẫu; Ký sinh trùng máu 1.774; bệnh khác 420 mẫu, gửi đối chứng 36 mẫu; bệnh mới phát sinh 30 mẫu.

4. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh

- Vận động cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm tham gia Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật. Hàng năm, xây dựng và mở rộng bình quân 15 cơ sở an toàn dịch bệnh gia súc, gia cầm và tiếp tục duy trì các cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh đã được công nhận trên địa bàn Thành phố. Đồng thời, xây dựng tiêu chí đánh giá đối với an toàn dịch bệnh theo tiêu chuẩn của Tổ chức Thú y Thế giới (OIE).

- Thực hiện quy trình thẩm định, công nhận vùng, cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh đối với các bệnh đăng ký theo các tiêu chí quy định tại Phụ lục IA về biên bản kiểm tra, đánh giá chăn nuôi động vật trên cạn và Phụ lục IB về biên bản đánh giá vùng chăn nuôi an toàn dịch bệnh trên cạn của Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02 tháng 6 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Hoàn thiện hồ sơ trình Cục Thú y thẩm định và công nhận Thành phố Hồ Chí Minh là vùng an toàn dịch bệnh động vật đối với bệnh Cúm gia cầm và bệnh Niu-cát-xon và bệnh Lở mồm long móng.

5. Quản lý kiểm dịch vận chuyển, kiểm soát giết mổ động vật

- Phát huy vai trò của Ban Chỉ đạo và Đoàn kiểm tra liên ngành phòng, chống dịch bệnh của địa phương trong việc kiểm tra, giám sát tình hình chăn nuôi, giết mổ, vận chuyển, kinh doanh động vật, sản phẩm động vật; công tác phòng, chống dịch bệnh; khoanh vùng và xử lý kịp thời dịch bệnh trên động vật.

- Tăng cường kiểm soát, ngăn chặn tình trạng kinh doanh, vận chuyển động vật, sản phẩm động vật trái phép vào Thành phố; xử lý các điểm kinh doanh, giết mổ gia súc, gia cầm trái phép.

- Triển khai kiểm soát chặt chẽ quy trình giết mổ, điều kiện vệ sinh thú y tại các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn Thành phố theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thực hiện việc đánh giá các cơ sở giết mổ theo Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm.

6. Đào tạo nguồn nhân lực, đầu tư nâng cấp trang thiết bị trong chẩn đoán bệnh động vật

- Củng cố hệ thống nhân viên thú y xã, phường, thị trấn theo Luật Thú y và Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y và Thông tư số 29/2016/TT-BNNPTNT ngày 05 tháng 8 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tiêu chuẩn đối với nhân viên thú y xã, phường, thị trấn.

- Đào tạo cán bộ kỹ thuật về điều tra và xử lý dịch bệnh, chẩn đoán xét nghiệm bệnh. Phối hợp với các cơ quan trong nước và quốc tế về đào tạo, nghiên cứu khoa học, về xác định tác nhân gây bệnh và các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên động vật.

- Đầu tư, trang thiết bị cho công tác chẩn đoán xác định dịch bệnh; ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công tác quản lý, giám sát, kiểm tra tình hình chăn nuôi và dịch tễ.

7. Biện pháp ứng phó, xử lý ổ dịch, chống dịch

a) Chủ gia súc thực hiện các biện pháp xử lý ổ dịch, bao gồm:

- Cách ly ngay động vật mắc bệnh hoặc có dấu hiệu mắc bệnh.

- Không mua bán, vận chuyển, giết mổ, tiêu thụ, vứt xác động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết, sản phẩm động vật mang mầm bệnh ra môi trường.

- Thực hiện vệ sinh, khử trùng, tiêu độc, tiêu hủy, giết mổ bắt buộc động vật mắc bệnh, có dấu hiệu mắc bệnh, động vật chết theo hướng dẫn của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Cung cấp thông tin chính xác, kịp thời về dịch bệnh động vật theo yêu cầu của cơ quan quản lý chuyên ngành thú y và nhân viên thú y cấp xã.

- Thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định, theo hướng dẫn, chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền.

b) Các cơ quan chuyên môn thực hiện:

- Tổ chức các lớp tập huấn về các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật, tập trung vào các bệnh truyền lây từ động vật sang người; công tác phối hợp điều tra, xử lý ổ dịch trên địa bàn.

- Cơ quan chuyên ngành thú y thực hiện nghiêm các phương án xử lý trong trường hợp phát sinh các trường hợp ca bệnh đầu tiên. Tiến hành xác minh và lấy mẫu chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh; quản lý, kiểm soát việc vận chuyển gia súc, sản phẩm gia súc trên địa bàn; chủ động tiêm phòng bao vây; xử lý gia súc mắc bệnh, nghi mắc bệnh trong vùng dịch theo các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, không để lây lan dịch bệnh.

- Tham mưu cho cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc công bố dịch bệnh, công bố hết dịch và tổ chức phòng, chống dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

- Tham mưu, đề xuất thành lập chốt kiểm soát tạm thời trên các trục đường giao thông ra, vào vùng dịch, vùng không chế, nhằm ngăn chặn, không để động vật, sản phẩm động vật mẫn cảm ra, vào vùng dịch, trừ các trường hợp được phép theo quy định của Luật Thú y và có hướng dẫn, giám sát của cơ quan thú y có thẩm quyền. Ủy ban nhân dân các quận, huyện phải chuẩn bị địa điểm xử lý chôn lấp, tiêu hủy động vật mắc bệnh; các phương án về lực lượng, trang thiết bị tại chỗ khi xử lý dịch bệnh.

- Trong trường hợp xảy ra các bệnh truyền nhiễm từ động vật sang người, cơ quan chuyên ngành y tế phối hợp với ngành nông nghiệp chia sẻ thông tin và phối hợp điều tra, xử lý dịch bệnh.

- Phối hợp với các tỉnh, Thành phố trong việc chia sẻ thông tin dịch bệnh, phòng, chống dịch bệnh, kiểm soát giết mổ và kiểm dịch vận chuyển, đặc biệt đối với các tỉnh, thành có động vật, sản phẩm động vật nhập về Thành phố tiêu thụ.

- Phối hợp với các chuyên gia, tổ chức quốc tế trong công tác phòng, chống dịch bệnh như hỗ trợ đào tạo tập huấn nâng cao trình độ cho cán bộ kỹ thuật,... Tham quan các mô hình chăn nuôi an toàn dịch bệnh tại các tỉnh, thành và học tập chia sẻ kinh nghiệm trong công tác quản lý phòng, chống dịch bệnh động vật, nhất là các bệnh truyền nhiễm mới nổi.

c) Công tác kiểm tra, giám sát

- Kiện toàn Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh các cấp, duy trì tần suất họp định kỳ và kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống dịch bệnh động vật trên địa bàn.

- Thành lập Đoàn kiểm tra các cấp để kiểm tra giám sát điều kiện chăn nuôi trang trại và chăn nuôi hộ theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Chăn nuôi; định kỳ điều kiện cơ sở chăn nuôi theo quy định của Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

8. Giải pháp về chính sách

- Vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật được ưu tiên trong việc lựa chọn cung cấp con giống, động vật và sản phẩm động vật theo Điều 17 của Luật Thú y. Các hộ chăn nuôi tham gia xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh được xem xét vay vốn ưu đãi về lãi suất để cải tạo chuồng trại, đầu tư mở rộng quy mô chăn nuôi, xử lý ô nhiễm môi trường... Các hộ chăn nuôi trong vùng an toàn dịch bệnh được hưởng chính sách hỗ trợ tiêm phòng vắc xin cho đàn gia súc.

- Đề xuất chính sách hỗ trợ tiêm phòng vắc-xin các bệnh truyền nhiễm động vật đối với các hộ chăn nuôi, xem xét phù hợp với từng giai đoạn phát triển chăn nuôi của Thành phố; chính sách hỗ trợ thiệt hại kịp thời cho người chăn nuôi trong trường hợp có dịch bệnh xảy ra theo đúng quy định.

- Đề xuất các chính sách hỗ trợ xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh động vật; kinh phí thẩm định và cấp Giấy chứng nhận an toàn dịch bệnh; ưu tiên các nhóm liên kết cung ứng sản phẩm theo chuỗi từ vùng an toàn dịch bệnh đến cơ sở giết mổ, chế biến.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN *(Phụ lục đính kèm)*

1. Tổng dự toán: 26.708.100.000 đồng (Hai mươi sáu tỷ bảy trăm lẻ tám triệu một trăm ngàn đồng chẵn).

2. Nguồn kinh phí: Ngân sách Thành phố và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

Hàng năm, căn cứ các quy định hiện hành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng kế hoạch cụ thể và lập dự toán kinh phí chi tiết, gửi Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí thực hiện theo quy định.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì và phối hợp với các Sở - ngành và Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tổ chức và triển khai thực hiện Chương trình này; tham mưu xây dựng quy định vùng chăn nuôi an toàn theo quy định của Luật Thú y và Luật Chăn nuôi; các chính sách hỗ trợ về tiêm phòng vắc-xin và xây dựng và duy trì vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức tuyên truyền các biện pháp phòng, chống dịch bệnh động vật trong các trường học, đặc biệt là các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lây từ động vật sang người như bệnh Đại, Cúm gia cầm,...

- Phối hợp với Sở Y tế trong việc trao đổi, chia sẻ thông tin và công tác phòng, chống dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người.

- Chỉ đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y:

+ Xây dựng kế hoạch và phối hợp với Ủy ban nhân dân quận, huyện triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên động vật theo quy định của Luật Thú y, Luật Chăn nuôi và Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn; công tác tổ chức tiêm phòng vắc-xin các bệnh truyền nhiễm bắt buộc cho đàn gia súc, gia cầm hằng năm đạt yêu cầu kỹ thuật.

+ Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành tiêm phòng vắc-xin cho đàn gia súc, gia cầm theo quy định; thực hiện các quy định của pháp luật về kinh doanh thuốc thú y, phòng, chống dịch bệnh, chữa bệnh đối với người hành nghề thú y, để đảm bảo an toàn dịch bệnh, không phát sinh và lây lan dịch bệnh.

+ Đầu tư nâng cấp các trang thiết bị phục vụ cho công tác chẩn đoán, xét nghiệm bệnh để phục vụ cho công tác xây dựng vùng, cơ sở an toàn bệnh động vật; phối hợp với các Viện, Trường, tổ chức chuyên ngành trong và ngoài nước trong tổ chức đào tạo, tập huấn huấn luyện môn kỹ thuật nâng cao trình độ, kỹ năng trong chẩn đoán, xét nghiệm và phòng, chống dịch bệnh; nâng cao năng lực về phòng bệnh, giám sát, điều tra, xử lý ổ dịch.

2. Sở Y tế chỉ đạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật, Trung tâm Y tế quận, huyện phối hợp với ngành thú y trong công tác giám sát điều tra dịch bệnh lây truyền giữa người và động vật theo Thông tư liên tịch số 16/2013/TTLT-BYT-BNN&PTNT ngày 27 tháng 5 năm 2013 giữa Bộ Y tế với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn phối hợp phòng, chống bệnh lây truyền từ động vật sang người.

3. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo các cơ quan truyền thông phối hợp với Sở - ngành và Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện thông tin tuyên truyền cho người dân biết về chủ trương, chính sách của Nhà nước về thực hiện Chương trình này, để người dân chấp hành tốt các quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật.

4. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Y tế tổ chức tuyên truyền về biện pháp phòng, chống các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm lây từ động vật sang người.

5. Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí dự toán kinh phí để triển khai thực hiện Quyết định này theo quy định.

6. Hội Nông Dân Thành phố

- Phối hợp với Sở Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn tuyên truyền vận động hội viên tích cực tham gia xây dựng các cơ sở chăn nuôi an toàn dịch bệnh, thực hiện tốt công tác tiêm phòng cho đàn gia súc, chủ động khai báo dịch bệnh kịp thời cho chính quyền địa phương và Chi cục Chăn nuôi và Thú y để khống chế, bao vây xử lý dịch bệnh đạt hiệu quả cao.

- Chỉ đạo Hội Nông dân các quận, huyện tăng cường vận động các hộ chăn nuôi tham gia các Tổ hợp tác, Hợp tác xã chăn nuôi an toàn, từng bước truy xuất nguồn gốc sản phẩm, là nơi cung cấp con giống an toàn, chất lượng cao cho người chăn nuôi trên địa bàn Thành phố.

7. Ủy ban nhân dân Thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

- Tuyên truyền, triển khai công tác phòng chống dịch bệnh động vật trên địa bàn, các nội dung Chương trình giám sát và xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật đến người chăn nuôi. Vận động người chăn nuôi khai báo chăn nuôi, dịch bệnh và thực hiện các quy định của Luật Thú y, Luật Chăn nuôi và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

- Chỉ đạo Ủy ban nhân dân các phường, xã triển khai thực hiện việc kê khai chăn nuôi theo quy định của Luật chăn nuôi; chấp hành các biện pháp tiêm phòng vắc-xin các bệnh truyền nhiễm nguy hiểm bắt buộc theo quy định cho đàn gia súc, gia cầm.

- Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Chăn nuôi và Thú y) và các sở, ngành liên quan xử lý các trường hợp vi phạm về chăn nuôi, không chấp hành tiêm phòng vắc-xin các bệnh bắt buộc theo quy định; điều tra và xử lý dịch bệnh kịp thời, hạn chế dịch bệnh lây lan diện rộng.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan chức năng, chính quyền cấp quận, huyện có liên quan báo cáo về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết./.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



PHỤ LỤC

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ GIÁM SÁT VÀ XÂY DỰNG VÙNG, CƠ SỞ AN TOÀN DỊCH ĐỘNG VẬT, THỦY SẢN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

(Kèm theo Quyết định số 1304/QĐ-UBND ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*11	10	11	12=10*11	10	11	12=10*11
I	Xét nghiệm giám sát dịch bệnh				2,991,292,675			3,194,520,175			3,194,520,175			3,194,520,175			3,194,520,175
1	Xét nghiệm Cúm gia cầm				348,390,000			348,390,000			348,390,000			348,390,000			348,390,000
	Kháng nguyên vi rút Cúm gia cầm (PCR)	mẫu	600	580,650	348,390,000	600	580,650	348,390,000	600	580,650	348,390,000	600	580,650	348,390,000	600	580,650	348,390,000
2	XN giám sát cúm heo				116,130,000			116,130,000			116,130,000			116,130,000			116,130,000
	Kháng nguyên vi rút Cúm heo (PCR)	mẫu	200	580,650	116,130,000	200	580,650	116,130,000	200	580,650	116,130,000	200	580,650	116,130,000	200	580,650	116,130,000
3	XN giám sát bệnh LMLM (O,A)				615,132,000			615,132,000			615,132,000			615,132,000			615,132,000
	Kháng thể LMLM type O (ELISA)	mẫu	1,745	161,700	282,166,500	1,745	161,700	282,166,500	1,745	161,700	282,166,500	1,745	161,700	282,166,500	1,745	161,700	282,166,500
	Kháng thể LMLM type A (ELISA)	mẫu	450	161,700	72,765,000	450	161,700	72,765,000	450	161,700	72,765,000	450	161,700	72,765,000	450	161,700	72,765,000
	Kháng thể kháng 3ABC (ELISA)	mẫu	950	200,550	190,522,500	950	200,550	190,522,500	950	200,550	190,522,500	950	200,550	190,522,500	950	200,550	190,522,500
	Kháng nguyên vi rút LMLM (PCR)	mẫu	120	580,650	69,678,000	120	580,650	69,678,000	120	580,650	69,678,000	120	580,650	69,678,000	120	580,650	69,678,000
4	XN Kháng thể Tụ huyết trùng	mẫu	500	99,330	49,665,000	500	99,330	49,665,000	500	99,330	49,665,000	500	99,330	49,665,000	500	99,330	49,665,000
5	XN Lao (ELISA)	mẫu	1,045	295,050	308,327,250	1,045	295,050	308,327,250	1,045	295,050	308,327,250	1,045	295,050	308,327,250	1,045	295,050	308,327,250
6	XN bệnh do Leptospira	mẫu	2,445	98,700	241,321,500	2,445	98,700	241,321,500	2,445	98,700	241,321,500	2,445	98,700	241,321,500	2,445	98,700	241,321,500
7	Bệnh Sảy thai truyền nhiễm trên bò	mẫu	1045	76,125	79,550,625	1045	76,125	79,550,625	1045	76,125	79,550,625	1045	76,125	79,550,625	1045	76,125	79,550,625
8	KST máu	mẫu	1,774	72,450	128,526,300	1,774	72,450	128,526,300	1,774	72,450	128,526,300	1,774	72,450	128,526,300	1,774	72,450	128,526,300
9	Gửi mẫu đối chứng bò				35,675,500			76,321,000			76,321,000			76,321,000			76,321,000
	Kháng thể LMLM type O (ELISA)	mẫu	8	266,000	2,128,000	8	266,000	2,128,000	8	266,000	2,128,000	8	266,000	2,128,000	8	266,000	2,128,000
	Kháng thể LMLM type A (ELISA)	mẫu	8	266,000	2,128,000	8	266,000	2,128,000	8	266,000	2,128,000	8	266,000	2,128,000	8	266,000	2,128,000
	Kháng sinh (định lượng)	mẫu	20	700,000	14,000,000	20	700,000	14,000,000	20	700,000	14,000,000	20	700,000	14,000,000	20	700,000	14,000,000
	Xét nghiệm bệnh truyền nhiễm phát sinh mới	mẫu	30	580,650	17,419,500	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000
10	XN giám sát dịch tả heo				166,897,500			166,897,500			166,897,500			166,897,500			166,897,500
	Kháng thể vi rút DTH (ELISA)	mẫu	500	159,600	79,800,000	500	159,600	79,800,000	500	159,600	79,800,000	500	159,600	79,800,000	500	159,600	79,800,000
	Kháng nguyên vi rút DTH (PCR)	mẫu	150	580,650	87,097,500	150	580,650	87,097,500	150	580,650	87,097,500	150	580,650	87,097,500	150	580,650	87,097,500
11	XN giám sát PRRS				116,474,000			116,474,000			116,474,000			116,474,000			116,474,000
	Kháng thể vi rút PRRS (ELISA)	mẫu	300	159,600	47,880,000	300	159,600	47,880,000	300	159,600	47,880,000	300	159,600	47,880,000	300	159,600	47,880,000
	Kháng nguyên vi rút PRRS (PCR)	mẫu	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000
	Công lấy mẫu	mẫu	400	17,010	6,804,000	400	17,010	6,804,000	400	17,010	6,804,000	400	17,010	6,804,000	400	17,010	6,804,000
	Gửi mẫu đối chứng virus	mẫu	5	585,000	2,925,000	5	585,000	2,925,000	5	585,000	2,925,000	5	585,000	2,925,000	5	585,000	2,925,000
	Gửi mẫu đối chứng Kháng thể PRRS	mẫu	5	160,000	800,000	5	160,000	800,000	5	160,000	800,000	5	160,000	800,000	5	160,000	800,000
12	Xét nghiệm bệnh THT				45,150,000			45,150,000			45,150,000			45,150,000			45,150,000
	Kháng thể THT (ngưng kết, ELISA)	mẫu	500	90,300	45,150,000	500	90,300	45,150,000	500	90,300	45,150,000	500	90,300	45,150,000	500	90,300	45,150,000
13	Giám sát bệnh khác				243,873,000			406,455,000			406,455,000			406,455,000			406,455,000

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*11	10	11	12=10*11	10	11	12=10*11
	XN giám sát bệnh Coronavirus(PED/TGE)				174,195,000	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000
	Xét nghiệm bệnh khác trên heo (PED/TGE)	mẫu	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000
	Xét nghiệm bệnh khác trên bò (BVD, IBR...)				69,678,000			232,260,000			232,260,000			232,260,000			232,260,000
	Kháng nguyên vi rút BVD, IBR... (PCR)	mẫu	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000	100	580,650	58,065,000
	Bệnh truyền nhiễm mới phát sinh	mẫu	20	580,650	11,613,000	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000
14	Xét nghiệm Dịch tả heo Châu Phi				496,180,000			496,180,000			496,180,000			496,180,000			496,180,000
	Kháng thể vi rút DTH CP (ELISA)	mẫu	200	159,600	31,920,000	200	159,600	31,920,000	200	159,600	31,920,000	200	159,600	31,920,000	200	159,600	31,920,000
	Kháng nguyên vi rút DTH CP (PCR)	mẫu	400	580,650	232,260,000	400	580,650	232,260,000	400	580,650	232,260,000	400	580,650	232,260,000	400	580,650	232,260,000
	Kit xét nghiệm nhanh KN Dịch tả heo Châu Phi	bộ kit (100test)	10	22,000,000	220,000,000	10	22,000,000	220,000,000	10	22,000,000	220,000,000	10	22,000,000	220,000,000	10	22,000,000	220,000,000
	XN xác định genotype gây bệnh của virus Dịch tả heo Châu Phi	mẫu	20	600,000	12,000,000	20	600,000	12,000,000	20	600,000	12,000,000	20	600,000	12,000,000	20	600,000	12,000,000
II	Xét nghiệm giám sát để duy trì và công nhận mới vùng, CS an toàn dịch				1,096,804,800			1,537,746,000			1,537,746,000			1,595,811,000			1,595,811,000
1	CS an toàn dịch, tái thẩm định Lở mồm long móng				465,622,500			604,537,500			604,537,500			604,537,500			604,537,500
	Kháng thể LMLM type O (ELISA)	mẫu	2,500	161,700	404,250,000	3,000	161,700	485,100,000	3,000	161,700	485,100,000	3,000	161,700	485,100,000	3,000	161,700	485,100,000
	Kháng thể LMLM type A (ELISA)	mẫu	200	161,700	32,340,000	200	161,700	32,340,000	200	161,700	32,340,000	200	161,700	32,340,000	200	161,700	32,340,000
	Xét nghiệm PCR	mẫu	50	580,650	29,032,500	150	580,650	87,097,500	150	580,650	87,097,500	150	580,650	87,097,500	150	580,650	87,097,500
2	CS an toàn dịch, tái thẩm định bệnh Dịch tả heo				177,800,000			210,837,200			210,837,200			210,837,200			210,837,200
	Kháng nguyên vi rút DTH (ELISA)	mẫu	300	161,700	48,510,000	300	161,700	48,510,000	300	161,700	48,510,000	300	161,700	48,510,000	300	161,700	48,510,000
	Kháng thể vi rút DTH (ELISA)	mẫu	800	159,600	127,680,000	1,007	159,600	160,717,200	1,007	159,600	160,717,200	1,007	159,600	160,717,200	1,007	159,600	160,717,200
	Gửi mẫu đối chứng Kháng thể Dịch tả heo	mẫu	5	160,000	800,000	5	160,000	800,000	5	160,000	800,000	5	160,000	800,000	5	160,000	800,000
	Gửi mẫu đối chứng Kháng nguyên Dịch tả heo	mẫu	5	162,000	810,000	5	162,000	810,000	5	162,000	810,000	5	162,000	810,000	5	162,000	810,000
3	CS an toàn dịch, tái thẩm định bệnh Cúm gia cầm				123,976,300			123,976,300			123,976,300			123,976,300			123,976,300
	Kháng thể vi rút Cúm gia cầm (HI)	mẫu	244	90,300	22,033,200	244	90,300	22,033,200	244	90,300	22,033,200	244	90,300	22,033,200	244	90,300	22,033,200
	Kháng nguyên vi rút Cúm gia cầm (PCR)	mẫu	174	580,650	101,033,100	174	580,650	101,033,100	174	580,650	101,033,100	174	580,650	101,033,100	174	580,650	101,033,100
	Gửi mẫu đối chứng HI	mẫu	10	91,000	910,000	10	91,000	910,000	10	91,000	910,000	10	91,000	910,000	10	91,000	910,000
4	Xét nghiệm giám sát bệnh Đại				197,316,000			408,240,000			408,240,000			408,240,000			408,240,000

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*11	10	11	12=10*11	10	11	12=10*11
	Phát hiện bằng phương pháp ELISA đối với kháng thể kháng một loại virus khác (vi rút Đại)	mẫu	290	680,400	197,316,000	600	680,400	408,240,000	600	680,400	408,240,000	600	680,400	408,240,000	600	680,400	408,240,000
5	CS an toàn dịch, tái thẩm định bệnh Dịch tả heo Châu Phi				132,090,000			190,155,000			190,155,000			248,220,000			248,220,000
	Kháng thể vi rút DTH CP (ELISA)	mẫu	100	159,600	15,960,000	100	159,600	15,960,000	100	159,600	15,960,000	100	159,600	15,960,000	100	159,600	15,960,000
	Kháng nguyên vi rút DTH CP (PCR)	mẫu	200	580,650	116,130,000	300	580,650	174,195,000	300	580,650	174,195,000	400	580,650	232,260,000	400	580,650	232,260,000
III	Công và vật tư lấy mẫu				505,942,525			502,923,825			502,973,825			514,708,825			502,898,825
	Công lấy mẫu cúm heo	mẫu	200	7,350	1,470,000	200	7,350	1,470,000	200	7,350	1,470,000	200	7,350	1,470,000	200	7,350	1,470,000
	Công lấy mẫu máu heo	mẫu	4,000	17,010	68,040,000	4,000	17,010	68,040,000	4,000	17,010	68,040,000	4,000	17,010	68,040,000	4,000	17,010	68,040,000
	Công lấy mẫu phân heo	mẫu	300	7,350	2,205,000	300	7,350	2,205,000	300	7,350	2,205,000	300	7,350	2,205,000	300	7,350	2,205,000
	Công lấy mẫu máu bò	mẫu	2,325	28,350	65,913,750	2,325	28,350	65,913,750	2,325	28,350	65,913,750	2,325	28,350	65,913,750	2,325	28,350	65,913,750
	Công lấy mẫu bệnh phẩm	mẫu	150	7,350	1,102,500	150	7,350	1,102,500	150	7,350	1,102,500	150	7,350	1,102,500	150	7,350	1,102,500
	Công lấy mẫu xét nghiệm nhanh	test/mẫu	2,000	17,010	34,020,000	2,000	17,010	34,020,000	2,000	17,010	34,020,000	2,000	17,010	34,020,000	2,000	17,010	34,020,000
	Công lấy mẫu bệnh phẩm gia cầm	mẫu	774	7,350	5,688,900	774	7,350	5,688,900	774	7,350	5,688,900	774	7,350	5,688,900	774	7,350	5,688,900
	Công lấy mẫu máu gia cầm	mẫu	244	4,305	1,050,420	244	4,305	1,050,420	244	4,305	1,050,420	244	4,305	1,050,420	244	4,305	1,050,420
	Công lấy mẫu chó	mẫu	290	17,010	4,932,900	600	17,010	10,206,000	600	17,010	10,206,000	600	17,010	10,206,000	600	17,010	10,206,000
	Vật tư lấy mẫu máu heo	mẫu	3,010	4,000	12,040,000	3,010	4,000	12,040,000	3,010	4,000	12,040,000	3,010	4,000	12,040,000	3,010	4,000	12,040,000
	Vật tư lấy mẫu phân heo	mẫu	110	8,000	880,000	110	8,000	880,000	110	8,000	880,000	110	8,000	880,000	110	8,000	880,000
	Vật tư lấy mẫu máu bò	mẫu	2,240	1,700	3,808,000	2,240	1,700	3,808,000	2,240	1,700	3,808,000	2,240	1,700	3,808,000	2,240	1,700	3,808,000
	Vật tư lấy mẫu máu bò (BVD, IBR)	mẫu	220	3,000	660,000	220	3,000	660,000	220	3,000	660,000	220	3,000	660,000	220	3,000	660,000
	Vật tư lấy mẫu máu bò (lao)	mẫu	1,150	1,000	550,000	1,150	1,000	550,000	1,150	1,000	550,000	1,150	1,000	550,000	1,150	1,000	550,000
	Vật tư lấy mẫu probang	mẫu	260	12,000	3,120,000	260	12,000	3,120,000	260	12,000	3,120,000	260	12,000	3,120,000	260	12,000	3,120,000
	Vật tư lấy mẫu máu xét nghiệm ELISA	mẫu	700	4,000	2,800,000	700	4,000	2,800,000	700	4,000	2,800,000	700	4,000	2,800,000	700	4,000	2,800,000
	Vật tư lấy mẫu xét nghiệm Real time PCR	mẫu	700	9,000	6,300,000	700	9,000	6,300,000	700	9,000	6,300,000	700	9,000	6,300,000	700	9,000	6,300,000
	Vật tư lấy mẫu xét nghiệm nhanh	mẫu	2,000	4,008	8,016,955	2,000	4,017	8,034,025	2,000	4,042	8,084,025	2,000	4,035	8,069,025	2,000	4,005	8,009,025
	Vật tư lấy mẫu bệnh phẩm	mẫu	744	1,300	967,200	744	1,300	967,200	744	1,300	967,200	744	1,300	967,200	744	1,300	967,200
	Vật tư lấy mẫu máu gia cầm	mẫu	250	800	200,000	250	800	200,000	250	800	200,000	250	800	200,000	250	800	200,000
	Vật tư lấy mẫu máu chó	mẫu	300	1,423	426,900	610	1,423	868,030	610	1,423	868,030	610	1,423	868,030	610	1,423	868,030
	Test xét nghiệm bệnh KS đường máu (<i>Anaplasma</i> 01 loại; <i>Babesia</i> 2 loại x 3 bộ)	bộ	9	30,000,000	270,000,000	9	30,000,000	270,000,000	9	30,000,000	270,000,000	9	30,000,000	270,000,000	9	30,000,000	270,000,000
	Dụng cụ bắt chó	cây	5	750,000	3,750,000		750,000		0	0	750,000		0		0	750,000	0
	Bảo hộ lao động (quần áo, nón, giày, găng tay)	bộ	4	2,000,000	8,000,000		2,000,000		0	0	2,000,000		0		0	2,000,000	0

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2021			Năm 2022			Năm 2023			Năm 2024			Năm 2025		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4*5	7	8	9=7*8	10	11	12=10*11	10	11	12=10*11	10	11	12=10*11
	Tiêm phòng vắc xin Đại dự phòng cho CC,VC tham gia bắt chó	người	0			4	750,000	3,000,000	4	750,000	3,000,000	4	750,000	3,000,000	4	750,000	3,000,000
IV	Chi phí nhiên liệu đi lại kiểm tra, lấy mẫu, thẩm định an toàn dịch				70,400,000			76,560,000			76,560,000			76,560,000			76,560,000
	Xăng xe phục vụ thực hiện kiểm tra thẩm định, giám sát các cơ sở chăn nuôi (xe Chỉ cục: 100 cơ sở 2021; 120 cơ sở 2022; 120 cơ sở 2023; 120 cơ sở 2024; 120 cơ sở 2025* 135 km/cơ sở * 15lit/100km),...	lít	2,500	22,000	55,000,000	2,700	22,000	59,400,000	2,700	22,000	59,400,000	2,700	22,000	59,400,000	2,700	22,000	59,400,000
	Nhiên liệu lấy mẫu (định mức 30km/lit....)	lít	700	22,000	15,400,000	780	22,000	17,160,000	780	22,000	17,160,000	780	22,000	17,160,000	780	22,000	17,160,000
V	Khen thưởng hệ thống giám sát cung cấp thông tin	người			13,500,000			27,000,000			27,000,000			27,000,000			27,000,000
VI	Chi phí kiểm tra, báo cáo sơ kết, tổng kết.....				137,110,000			91,000,000			91,000,000			91,000,000			137,110,000
	Phí thẩm định (Mời Cục Thú y)	vùng	2	3,500,000	7,000,000	1	3,500,000	3,500,000	1	3,500,000	3,500,000	1	3,500,000	3,500,000	2	3,500,000	7,000,000
	Vé máy bay (03 nhân viên Cục vào thẩm định)	vé	6	10,000,000	60,000,000	3	10,000,000	30,000,000	3	10,000,000	30,000,000	3	10,000,000	30,000,000	6	10,000,000	60,000,000
	Khách sạn (3 ngày x 4 phòng/3 người)	phòng x ngày	18	900,000	16,200,000	9	900,000	8,100,000	9	900,000	8,100,000	9	900,000	8,100,000	18	900,000	16,200,000
	Xăng xe phục vụ Cục thực hiện kiểm tra thẩm định (200 km/vùng * 15lit/100km)	lít	405	22,000	8,910,000	200	22,000	4,400,000	200	22,000	4,400,000	200	22,000	4,400,000	405	22,000	8,910,000
	Hội nghị				15,000,000			15,000,000			15,000,000			15,000,000			15,000,000
	Cước phí bưu chính				30,000,000			30,000,000			30,000,000			30,000,000			30,000,000
	TỔNG CỘNG				4,815,050,000			5,429,750,000			5,429,800,000			5,499,600,000			5,533,900,000